TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm và ông Lê Văn Tuyển

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lan - Thư ký TAND huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị G**, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T vào năm 2005. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông M có người phụ nữ khác không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2021, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 08/10/1988 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/02/2003, đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị G và bị đơn Nguyễn Thanh M tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T vào ngày 13/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bị đơn không có trách nhiệm với gia đình và sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm ai; sự việc nêu trên có xác nhận của Trưởng thôn T và UBND xã S. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Hai con chung Nguyễn Thành S, sinh ngày 08/10/1988 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/02/2003 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị G

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị G được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Hai con chung Nguyễn Thành S, sinh ngày 08/10/1988 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/02/2003 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001217 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã S (GCNKH số 115 ngày 13/12/2005);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền